

Số: 44 /DA-ĐHMTHCM

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 3 năm 2018

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH NĂM 2018

1. Thông tin chung:

1.1. Tên trường, sứ mệnh, địa chỉ các trụ sở (trụ sở chính và phân hiệu) và địa chỉ trang thông tin điện tử của trường

- Tên trường: Trường Đại học Mỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh.
- Sứ mệnh: Trường Đại học Mỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh có sứ mệnh đào tạo những nhà chuyên môn về mỹ thuật như: họa sĩ, nhà điêu khắc, nhà thiết kế, nhà sư phạm mỹ thuật, nhà lý luận và phê bình mỹ thuật có tri thức, có phẩm chất đạo đức, có khả năng sáng tác, thiết kế, nghiên cứu và giảng dạy, đáp ứng mọi hoạt động mỹ thuật do xã hội yêu cầu.

- Địa chỉ: số 05 Phan Đăng Lưu, F3, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh.

- Địa chỉ Website : <http://www.hcmufa.edu.vn>.

1.2. Quy mô đào tạo

Khối ngành/ Nhóm ngành*	Quy mô hiện tại							
	NCS	Học viên CH	ĐH		CDSP		TCSP	
			GD chính quy	GD TX	GD chính quy	GD TX	GD chính quy	GD TX
Khối ngành I			86					
Khối ngành II	19	213	852					
Khối ngành III								
Khối ngành IV								
Khối ngành V								
Khối ngành VI								
Khối ngành VII								
Tổng (ghi rõ cả số NCS, học viên cao học, SV ĐH, CD, TC)	19	213	938					

1.3. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất

1.3.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất: Thi tuyển các môn năng khiếu kết hợp với xét tuyển môn Ngữ văn.

1.3.2. Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất:

Khôi ngành/ Ngành/ Nhóm ngành/ tổ hợp xét tuyển	Năm tuyển sinh 2015 - 2016			Năm tuyển sinh 2016 - 2017		
	Chỉ tiêu	Số trúng tuyển	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
Nhóm ngành I: Ngành Sư phạm mỹ thuật	28	28	25.75	27	19	22.0
Nhóm ngành II						
Hội họa	40	39	24.5	40	18	20.5
Đồ họa	29	29	25.0	28	26	21.25
Điêu khắc	5	4	25.0	5	3	24.0
Lý luận Lịch sử phê bình mỹ thuật	8	7	24.25	0	0	0
Thiết kế đồ họa	140	136	25.0	150	149	20.25

2. Các thông tin của năm tuyển sinh

2.1. *Đối tượng tuyển sinh*: Thí sinh đăng ký thi vào Trường là những người có năng khiếu về Mỹ thuật và có đủ các điều kiện dự thi theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.2. *Phạm vi tuyển sinh*: tuyển sinh trong cả nước

2.3. *Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)*: thi tuyển các môn năng khiếu kết hợp với xét tuyển môn Ngữ văn.

2.4. *Chỉ tiêu tuyển sinh*: 200 chỉ tiêu đại học chính quy. Cụ thể:

* Hệ Đại học đào tạo 5 năm:

- Ngành Hội họa (7210103) : 20 Chỉ tiêu
- Ngành Đồ họa tạo hình (7210104) : 25 Chỉ tiêu
- Ngành Điêu khắc (7210105) : 05 Chỉ tiêu
- Lý luận lịch sử và phê bình mỹ thuật (7210101) : 05 Chỉ tiêu

* Hệ Đại học đào tạo 4 năm:

- Sư phạm mỹ thuật (7140222) : 20 Chỉ tiêu
- Thiết kế đồ họa (7210403) : 125 Chỉ tiêu

2.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT:

Thí sinh dự thi các môn năng khiếu do Nhà trường tổ chức và xét tuyển môn Ngữ văn có điểm từ 5 trở lên, Nhà trường sẽ đưa vào danh sách xét tuyển chính thức. Căn cứ vào kết quả tuyển sinh, Hội đồng tuyển sinh trường sẽ công bố kết quả trúng tuyển từng ngành đào tạo theo thứ tự điểm từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu và đảm bảo ngưỡng chất lượng đầu vào theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo. Cụ thể ngưỡng điểm tối thiểu của từng môn như sau:

- **Quy định về ngưỡng điểm thi chuyên môn:** Thí sinh thuộc diện xét trúng tuyển phải đạt 5 điểm trở lên đối với mỗi môn thi, (chưa nhân hệ số đối với môn hình họa và môn Tượng tròn). Thí sinh có điểm thi chuyên môn dưới 5 điểm xem như không trúng tuyển.

- **Quy định cụ thể về việc xét tuyển môn Ngữ văn (hệ số 1):** Thí sinh chỉ được xét tuyển môn ngữ văn khi đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông. Trường thực hiện theo 01 trong 03 phương án sau:

+ Xét tuyển môn Ngữ văn được căn cứ vào kết quả thi tốt nghiệp trung học phổ thông môn Ngữ văn của Kỳ thi Trung học phổ thông quốc gia do Bộ giáo dục và Đào tạo tổ chức thí sinh đạt từ 5 điểm trở lên.

+ Xét tuyển học bạ đối với môn Ngữ văn lớp 10,11,12, Trung học phổ thông đối với thí sinh có học lực môn ngữ văn từ 6 điểm trở lên (trung bình cộng 3 năm).

+ Thí sinh được xét điểm trung bình cộng môn ngữ văn các năm học 10, 11, 12 cho các trường trung cấp chuyên nghiệp, trung cấp nghề không tổ chức thi tốt nghiệp môn ngữ văn có học lực môn ngữ văn từ 6 điểm trở lên (trung bình cộng 3 năm).

2.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường:

-Mã Trường: MTS

-Mã ngành:

* Hệ Đại học đào tạo 5 năm:

+ Hội họa (7210103);

+ Đồ họa tạo hình (7210104);

+ Điêu khắc (7210105);

+ Lý luận lịch sử và phê bình mỹ thuật (7210101).

* Hệ Đại học đào tạo 4 năm:

+ Sư phạm mỹ thuật (7140222);

+ Thiết kế đồ họa (7210403).

2.7. Tổ chức tuyển sinh:

- Thời gian thi:

Năm 2018 Nhà trường tổ chức một kỳ thi từ ngày **02-7-2018 đến 05-7-2018** cho các thí sinh thi vào các ngành Hội họa, Đồ họa, Thiết kế đồ họa, Điêu khắc, Sư phạm mỹ thuật, Lý luận lịch sử và phê bình mỹ thuật.

Thí sinh tập trung tại trường lúc 8 giờ ngày 02-7-2018 để bổ sung thủ tục dự thi và nghe phổ biến quy chế thi.

- Môn thi:

*** Quy định chung:**

STT	Tên ngành	Khối thi	Môn xét tuyển	Môn thi tuyển
1	Hội họa	H	Ngữ văn	Hình họa, Bó cục tranh màu
2	Đồ họa	H	Ngữ văn	Hình họa, Bó cục tranh màu
3	Điêu khắc	H	Ngữ văn	Tượng tròn, Bó cục chạm nổi
4	Lý luận, lịch sử và phê bình mỹ thuật	H	Ngữ văn	Hình họa, Bó cục tranh màu
5	Thiết kế đồ họa	H	Ngữ văn	Hình họa, Trang trí
6	Sư phạm mỹ thuật	H	Ngữ văn	Hình họa, Bó cục tranh màu

*** Quy định cụ thể các môn thi năng khiếu các ngành đào tạo**

STT	Tên ngành	Môn thi
1	Hội họa	<ul style="list-style-type: none"> Hình họa (hệ số 2): vẽ người toàn thân, thời gian 2 buổi sáng (8 tiết) Bó cục (hệ số 1): tranh màu, thời gian 5 giờ
2	Đồ họa	<ul style="list-style-type: none"> Hình họa (hệ số 2): vẽ người toàn thân, thời gian 2 buổi sáng (8 tiết) Bó cục (hệ số 1): tranh màu, thời gian 5 giờ
3	Lý luận, lịch sử và phê bình mỹ thuật	<ul style="list-style-type: none"> Hình họa (hệ số 2): vẽ đầu tượng, thời gian 1 buổi sáng (5 tiết) Bó cục (hệ số 1): tranh màu, thời gian 5 giờ
4	Điêu khắc	<ul style="list-style-type: none"> Tượng tròn (hệ số 2): thời gian 2 buổi sáng và 1 buổi chiều (12 tiết) Bó cục (hệ số 1): chạm nổi, thời gian 5 giờ
5	Thiết kế đồ họa	<ul style="list-style-type: none"> Hình họa (hệ số 2): vẽ chân dung người, thời gian 1 buổi sáng (5 tiết) Trang trí (hệ số 1): thời gian 5 giờ
6	Sư phạm mỹ thuật	<ul style="list-style-type: none"> Hình họa (hệ số 2): vẽ chân dung người, thời gian 1 buổi sáng (5 tiết) Bó cục (hệ số 1): tranh màu, thời gian 5 giờ

- Địa điểm thi: Trường Đại học Mỹ thuật TP. Hồ Chí Minh, Số 5 Phan Đăng Lưu, Phường 3, Q. Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

2.8. Chính sách ưu tiên:

- Xét tuyển thẳng: Do đặc thù chuyên môn, nhà trường không tuyển thẳng đối với thí sinh tốt nghiệp phổ thông trung học.

- Ưu tiên xét tuyển: Theo quy chế ưu tiên của Bộ giáo dục và Đào tạo.

2.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển: Theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo

2.10. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có): Thực hiện theo Nghị định 86/2015/ NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ.

2.11. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành):

3. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt bổ sung trong năm: Không

3.1. Tuyển sinh bổ sung đợt 1: Không

3.2. Tuyển sinh bổ sung đợt 2: Không

4. Thông tin về các điều kiện đảm bảo chất lượng

4.1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu:

4.1.1. Thống kê diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá:

- Tổng diện tích đất của trường: 5.851,9 m²

- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của cơ sở đào tạo tính trên một sinh viên chính quy: 11.627 m²

- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên: 48 phòng.

4.1.2. Thống kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị:

TT	Tên	Các trang thiết bị chính
1	Phòng thực hành	<ul style="list-style-type: none">- Xưởng Điều khắc chất liệu: Máy điều khắc gỗ CNC 3D, Máy cưa xích công suất 4.9KW, Máy cưa xích 740W, Máy chà nhám rung cầm tay loại chữ nhật, Máy đánh bóng cầm tay, Máy nén khí, Xe cầu tự hành 7 tấn, Cầu trục đẩy tay 15 tấn, máy cắt đá cầm tay chạy điện, máy cắt đá cầm tay chạy điện, Máy mài đá chi tiết đa năng, Máy khoa đá cầm tay chạy điện, Búa đục đá sử dụng khí nén, Máy mài đầu trụ khí nén, máy nén khí, Thiết bị phụ trợ máy nén, Bộ máy hàn chuyên dụng, Lò nung gốm sử dụng điện, Bộ máy tính thiết kế, máy hút bụi công nghiệp, SWITCH 24 PORT.- Hệ thống Audio+ Hệ thống Camera và phụ kiện: Silid – State

Memory Camcorder with Three 1/3 – inch – type Full –HD Exmor tm, SxS-1 Memory Card, SxS Memory Card, SxS Memory USD Reader/Writer, Li-Ion Battery Pack, Monaural Microphone, Solt carryinh case, Túi che mưa cho camera, Chân máy quay-Tripod, Chân máy quay-Tripod, Điều khiển ống kính, Dây nối dài cho điều khiển, Đèn led cho camera, Phụ kiện cho camera (khung đặt máy quay lên vai, Khung tay cầm, Chống rung, Bảng phân cảnh, dù xuyên trắng, Dù phản đen bạc, Tấm phản quang).

+ Hệ thống Video: Multiformat Compact Switcher, LCD cho hiển thị multiview 40 inch, Màn hình, Đầu ghi phát (dùng thẻ nhớ cùng loại với Camera), SxS-1 Memory Card, Bộ Phân phối tín hiệu, Bộ chuyển đổi tín hiệu SDI-HDMI, Bộ dựng hình (máy tính dựng hình, làm hậu kỳ; Phần mềm dựng hình; Màn hình cho máy tính dựng >20; Card capture cho máy tính

+ Hệ thống thiết bị phòng thu âm: Audio Mixer, Bộ xử lý âm thanh kỹ thuật số, Bộ chia âm thanh, Máy thu âm, Micro thu âm, Chân đế bàn cho micro thu âm, Micro thu âm không dây cài áo (Micro loại cài áo, Bộ phát đeo lưng, Bộ thu Dual, Loa kiểm tra, Tai nghe phòng thu).

+ Hệ thống liên lạc: Wired Intercon/Tally System for 5 Camera

+ Hệ thống cần cầu, trượt, ray:

* Hệ thống cần cầu: Cần cầu cho camera, Balance weight, đường ray cho cần cầu Camera.

* Hệ thống bàn trượt: Bàn trượt đặt hệ thống camera và chân, Đường ray cho bàn trượt ở trên.

* Khung quay vòng cung đặt máy quay để lia.

- Hệ thống đèn và trang âm

+ Hệ thống đèn: Đèn tụ công nghệ LED 80W, Đèn tỏa chiếu công nghệ LED 120W RGBW, Đèn ánh sáng trắng công nghệ LED 200W, Bộ đèn thu ngoại cảnh, Tay treo đèn kiểu lò xo, Bộ chia tín hiệu DMX 1 In 6 Out, Hệ thống điều khiển DMX, Phụ kiện điều khiển.

+ Hệ thống phong: Khung treo phong, Phong

		Choromakey, Phong màn Background, Khung dầm treo đèn, Tủ điện, cấp nguồn cho hệ thống, CB, Bàn đặt thiết bị và phụ kiện lắp đặt hệ thống + Hệ thống trang âm: Tấm trần cách âm, Tấm tường phản âm và tấm tường tiêu âm, Tấm chân tường cách âm, Trãi thảm sàn cho phòng, cửa đi cho phòng control, Cửa đi cho phòng thu âm, 2 lớp, Vách kính cho phòng control, Vách kính cho phòng thu âm, vật tư phụ.
2	Xưởng sơn mài	+ Hệ thống mài : 60m ² + Phòng ủ: 60m ² + Phòng kỹ thuật chất liệu: 60m ²

4.1.3. Thống kê phòng học

TT	Loại phòng	Số lượng
1.	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	0
2.	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	01
3.	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	03
4.	Số phòng học dưới 50 chỗ	63
5.	Số phòng học đa phương tiện	02

4.1.4. Thống kê về học liệu (giáo trình, học liệu, tài liệu, sách tham khảo...sách, tạp chí, kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử).trong thư viện:

TT	Nhóm ngành đào tạo	Số lượng
1	Nhóm ngành I	- Sách: 19.432 bản
2	Nhóm ngành II	- Tạp chí: 8357 bài trích - Hình ảnh: 12.053 ảnh - LVLA: 2681 bản

4.2. Danh sách giảng viên cơ hữu

Khối ngành/ngành	GS.TS/ GS.TSKH	PGS. TS/ GS.TSKH	TS/ TSKH	ThS	ĐH	CD
Nhóm ngành I						
1. Nguyễn Minh Quang			x			
2. Ngô Việt Hùng				x		
3. Nguyễn Thùy Hương				x		

4. Nguyễn Thị Tô Uyên				x		
5. Nguyễn Thị Mỹ Linh					x	
6. Lưu Tiến Khuynh					x	
Tổng của khối ngành	0	0	1	3	2	0
Khối ngành II						
Ngành Đồ họa						
1. Hoàng Minh Phúc		x				
2. Huỳnh Phương T. Đài Trang				x		
3. Hoàng Lan Anh				x		
4. Đặng Minh Thành				x		
5. Lê Phi Hùng					x	
6. Nguyễn Quyết Định					x	
7. Phan Vũ Linh					x	
8. Nguyễn Ngọc Vinh				x		
Ngành Điêu khắc						
1. Nguyễn Xuân Tiên	x					
2. Nguyễn Hoàng Ánh				x		
3. Trần Tuấn Nghĩa					x	
4. Nguyễn Đoàn Duy				x		
5. Phạm Đình Tiến				x		
6. Nguyễn Hồng Dương					x	
7. Hà Việt Hùng				x		
Ngành Lý luận và Lịch sử mỹ						

thuật						
1. Trương Phi Đức			X			
2. Lê Văn Duẩn				X		
3. Nguyễn Văn Bùng				X		
4. Nguyễn Văn Thấy				X		
5. Trần Thị Hải				X		
6. Đặng Long Can				X		
7. Trần Kim Chi				X		
8. Nguyễn Thị Thái Hằng				X		
9. Lê Bá Thanh				X		
Ngành Thiết kế đồ họa						
1. Cung Dương Hằng		X				
2. Nguyễn Hồng Ngọc			X			
3. Vũ Đăng Rung				X		
4. Đỗ Văn Dũng				X		
5. Phạm Như Linh				X		
6. Đỗ Thị Khang Thành				X		
7. Bùi Hải Châu				X		
8. Đỗ Trần Ngọc Anh				X		
9. Lê Hoàng Nam				X		
10. Nguyễn Long				X		
11. Bạch Huyền Linh					X	
12. Nguyễn Thị Thu Trang				X		

13. Lê Bất Thăng				X		
14. Lâm Yến Như				X		
15. Vũ Thủy Vân				X		
16. Phan An				X		
17. Phạm Thụy Ngọc Hà				X		
18. Lê Phương Thảo				X		
19. Mai Xuân Hưng					X	
20. Phạm Xuân Bách					X	
21. Phan Hoàng				X		
Ngành Hội họa						
1. Nguyễn Văn Minh		X				
2. Nguyễn Quang Cảnh				X		
3. Trần Ngọc Vân				X		
4. Nguyễn Quang Vinh				X		
5. Nguyễn Dũng An Hòa				X		
6. Võ Văn Nam				X		
7. Đặng Minh Thế				X		
8. Nguyễn Thị Nếp				X		
9. Lê Hoài Nam				X		
10. Nguyễn Văn Đoàn				X		
11. Mạc Hoàng Thượng				X		
12. Trần Thanh Trúc				X		
13. Nguyễn Duy Du				X		

14. Lâm Chí Trung				X		
15. Trần Quốc Tuấn				X		
16. Nguyễn Ngọc Mai				X		
17. Lê Thị Quế Châu					X	
18. Nguyễn Thị Hoàng Minh				X		
19. Nguyễn Hiếu Ly				X		
Tổng số giảng viên của toàn trường	1	4	2	48	8	0

4.3. Danh sách giảng viên thỉnh giảng

Khối ngành/ ngành	GS.TS/ GS.TSKH	PGS.TS/ PGS.TSKH	TS/ TSKH	ThS	ĐH	CĐ
Khối ngành I						
1. Đào Trọng Việt				X		
Tổng của khối ngành/nhóm ngành I	0	0	0	01	0	0
Khối ngành II						
Ngành Đồ họa						
1. Nguyễn Phương Thảo					X	
Ngành Thiết kế đồ họa						
1. Nguyễn Thị Bạch Yến				X		
Ngành Lý luận và Lịch sử mỹ thuật						
1. Lê Thị Ngọc Diệp			X			
2. Trần Dũng			X			
3. Lâm Quang Thùy Nhiên			X			
4. Nguyễn Đông Triều				X		

Khối ngành/ ngành	GS.TS/ GS.TSKH	PGS.TS/ PGS.TSKH	TS/ TSKH	ThS	ĐH	CĐ
5. Phạm Đình Huấn				X		
6. Huỳnh Lê Tuấn				X		
Ngành Điều khắc						
1. Bạch Thanh Việt					X	
2. Nguyễn Tân					X	
Sau Đại học						
1. Mã Thanh Cao			X			
2. Bùi Hoài Sơn		X				
3. Triệu Thế Hùng		X				
4. Nguyễn Tri Nguyên		X				
5. Huỳnh Quốc Thắng		X				
6. Lê Đình Tùng				X		
Tổng số giảng viên toàn trường	0	4	4	5	3	0

5. Tình hình việc làm (thống kê cho 2 khóa tốt nghiệp gần nhất)

Nhóm ngành	Chỉ tiêu Tuyển sinh			Số SV/HS trúng tuyển nhập học			Số SV/HS tốt nghiệp			Trong đó số SV/HS tốt nghiệp đã có việc làm sau 12 tháng		
	ĐH	CĐSP	TCSP	ĐH	CĐSP	TCSP	ĐH	CĐSP	TCSP	ĐH	CĐSP	TCSP
Khối ngành I	48			38			44			40		
Khối ngành II	402			379			199			180		
Khối ngành III												
Khối ngành IV												
Khối ngành V												
Khối ngành VI												
Khối ngành VII												
Tổng												

6. Tài chính

- Tổng nguồn thu hợp pháp/năm của trường: 28.979.000.000 đồng
- Tổng chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên/năm của năm liền trước năm tuyển sinh: 25.000.000 đồng

KT HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Nguyễn Văn Minh